

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ TRỌNG TẤN
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra có 04 trang)**

**KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026
MÔN THI TỰ CHỌN THỨ HAI**

Môn thi: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi 0925

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay phân bố nhiều ở

- A. đồng bằng. B. hải đảo. C. miền núi. D. núi cao.

Câu 2. Thế mạnh chủ yếu để phát triển du lịch ở Đồng bằng Sông Hồng là

- A. vị trí thuận lợi, dân đông, nhiều đô thị, kinh tế phát triển.
B. lao động có trình độ, giao thông đồng bộ, tài nguyên phong phú.
C. nhiều tài nguyên du lịch, mức sống dân cư tăng, cơ sở hạ tầng tốt.
D. địa hình đa dạng, khí hậu phân hóa theo mùa, nhiều di tích, lễ hội.

Câu 3. Diện tích rừng ở Bắc Trung Bộ có xu hướng tăng chủ yếu do

- A. cải tạo rừng nghèo, tăng cường nhận thức bảo vệ rừng.
B. tăng cường bảo vệ vốn rừng, tích cực trồng rừng mới.
C. đẩy mạnh xuất khẩu gỗ, chia sẻ lợi ích với cộng đồng.
D. phát triển kinh tế rừng, ứng dụng công nghệ để quản lí.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây đúng với tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Phần lớn là đất ba dan và đất xám phù sa cổ.
B. Khí hậu cận xích đạo, phân hoá theo độ cao.
C. Địa hình gồm các cao nguyên và khối núi.
D. Khoáng sản giá trị nhất vùng là than antraxit.

Câu 5. Yếu tố nào sau đây không phải là lợi thế để phát triển giao thông đường biển nước ta?

- A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh sâu. B. Nằm trong khu vực ảnh hưởng của gió mùa.
C. Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế. D. Có nhiều đảo, quần đảo ở ven bờ.

Câu 6. Cho bảng số liệu sau:

Dân số và diện tích của một số Thành phố nước ta năm 2024

Thành phố	Hà Nội	Hải Phòng	Đà Nẵng	Thành phố Hồ Chí Minh
Dân số (nghìn người)	8 717,6	2 124,5	1 276,0	9 543,6
Diện tích (km ²)	3 359,8	1 526,4	1284,7	2 095,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2025)

Theo bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Diện tích Hà Nội cao gấp khoảng 1,6 lần diện tích Đà Nẵng.
B. Mật độ dân số Thành phố Hồ Chí Minh là 4 555 người/km².
C. Dân số cao nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, thấp nhất là Hải Phòng.
D. Hải Phòng có mật độ dân số thấp hơn Đà Nẵng.

Câu 7. Diện tích gieo trồng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay có xu hướng giảm chủ yếu do

- A. biến đổi khí hậu, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
B. xâm nhập mặn sâu và mùa khô ngày càng kéo dài.
C. mùa khô sâu sắc, đẩy nhanh quá trình đô thị hóa.
D. thay đổi cơ cấu cây trồng, đất mặn ngày càng tăng.

Câu 8. Thế mạnh chủ yếu để phát triển chăn nuôi trâu, bò ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là

- A. gần thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. B. nguồn thức ăn khá dồi dào từ các đồng cỏ.
C. công nghiệp chế biến ngày càng hiện đại. D. người dân có nhiều kinh nghiệm chăn nuôi.

Câu 9. Điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển nước ta là

- A. các tuyến đường ven bờ chủ yếu hướng bắc - nam.

B. đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

C. có nhiều cảng nước sâu và cụm cảng quan trọng.

D. khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

Câu 10. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta xuất hiện đất feralit có mùn chủ yếu do

A. nhiệt độ giảm, độ ẩm tăng, quá trình feralit suy yếu.

B. có nhiều đá vôi, quá trình feralit ngưng trệ, độ ẩm cao.

C. mưa ít, quá trình feralit chấm dứt, nhiệt độ giảm dần.

D. lượng mưa lớn, có nhiều đá badan, nền nhiệt thấp.

Câu 11. Ngành lâm nghiệp nước ta có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ chủ yếu vì

A. rừng có giá trị lớn về kinh tế và môi trường.

B. độ che phủ rừng của nước ta tương đối lớn và tăng rất nhanh.

C. nhu cầu về tài nguyên rừng lớn và phổ biến.

D. nước ta có $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi, có rừng ngập mặn ở ven biển.

Câu 12. Lợi thế của nguồn lao động nước ta không bao gồm

A. có kinh nghiệm sản xuất lâm nghiệp.

B. bản chất cần cù, chịu khó, sáng tạo.

C. đa số lao động đã được qua đào tạo.

D. quy mô lao động lớn, tăng liên tục.

Câu 13. Tính chất ẩm của khí hậu nước ta được thể hiện qua đặc điểm nào sau đây?

A. Cán cân bức xạ dương.

B. Độ ẩm tương đối cao.

C. Tổng lượng bức xạ lớn.

D. Tổng số giờ nắng nhiều.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta?

A. Hình thành chủ yếu vùng chuyên canh nông nghiệp.

B. Miền núi trở thành vùng kinh tế năng động.

C. Chỉ hình thành được các vùng kinh tế trọng điểm.

D. Xuất hiện các khu công nghiệp quy mô lớn.

Câu 15. Ở nước ta, bão thường kèm theo

A. sóng thần, gió giật.

B. mưa nhiều, rét hại.

C. rét đậm, sương giá.

D. gió giật, biển động.

Câu 16. Vùng Nam Trung Bộ phát triển nghề làm muối chủ yếu nhờ điều kiện thuận lợi nào sau đây?

A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh nước sâu kín gió.

B. Nguồn lợi thủy sản phong phú, nhiều bãi cá, bãi tôm.

C. Nhiều bãi biển đẹp, các đảo với cảnh quan phong phú.

D. Nắng nhiều, nước biển có độ mặn cao, ít cửa sông lớn.

Câu 17. Chăn nuôi bò sữa ở nước ta hiện nay có xu hướng phát triển mạnh ở khu vực nào sau đây?

A. Đồng bằng duyên hải.

B. Ven các thành phố lớn.

C. Các đồng bằng ven sông.

D. Khu vực núi cao hiểm trở.

Câu 18. Đánh giá nào sau đây không đúng về ảnh hưởng của vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ đến kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của nước ta?

A. Thuận lợi để hợp tác và phát triển với các nước trong khu vực.

B. Thuận lợi đảm bảo an ninh khu vực biên giới trên biển và đất liền.

C. Nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng ở vùng Đông Nam Á.

D. Nước ta là cửa ngõ ra biển của một số quốc gia trong khu vực.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn thông tin:

Nam Trung Bộ có đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió như vịnh Dung Quất, Quy Nhơn, Vân Phong, Cam Ranh,... thích hợp xây dựng cảng biển nước sâu, phát triển giao thông vận tải biển.

a) Cảng trung chuyển quốc tế được xây dựng tại vịnh Vân Phong của Nam Trung Bộ.

b) Vai trò to lớn của các cảng biển ở Nam Trung Bộ đối với nước bạn Cam-pu-chia là vận chuyển hàng hóa, giải quyết việc làm cho lao động.

c) Nam Trung Bộ có lợi thế hơn Bắc Trung Bộ trong phát triển giao thông vận tải do vùng biển sâu, bờ biển cắt xẻ, nhiều vũng vịnh.

d) Việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông trong đó có cảng biển góp phần quan trọng thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 2. Cho thông tin sau:

(Theo Báo Đầu tư - Baodautu.vn)

a)

b) SHTP ưu tiên thu hút các dự án sử dụng nhiều lao động phổ thông.

c) SHTP tập trung phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn và công nghệ sinh học.

d) Mục tiêu chính của việc xây dựng "đô thị khoa học" là quy hoạch không gian để phân bố đều các cơ sở công nghiệp ra khắp các vùng nông thôn lân cận.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

Quy mô dân số và GDP của một số nước Đông Nam Á năm 2023

Quốc gia	Thái Lan	Việt Nam	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a
Dân số (triệu người)	71,1	100,3	277,5	24,4
GDP (tỉ USD)	515	433	1371	400

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2024, www.aseanstats.org)

a) In-đô-nê-xi-a đứng đầu cả về quy mô dân số, GDP và GDP bình quân đầu người.

b) GDP của Việt Nam cao hơn Ma-lai-xi-a nhưng thấp hơn Thái Lan.

c) Quy mô dân số cao nhất là In-đô-nê-xi-a, thấp nhất là Ma-lai-xi-a.

d) GDP bình quân đầu người cao nhất là Thái Lan, thấp nhất là Việt Nam.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Độ cao trung bình dưới 600 - 700m ở miền Bắc và dưới 900 – 1000m ở miền Nam. Khí hậu nhiệt đới gió mùa biểu hiện rõ. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C, độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực. Có hai nhóm đất chính là đất phù sa và đất feralit. Sinh vật phong phú, đa dạng với hệ sinh thái đặc trưng là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta.

b) Mùa hạ nóng do ảnh hưởng của vị trí địa lí và hoạt động của gió Tín phong.

c) Đất feralit là loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở đai này.

d) Độ cao của đai này ở miền Bắc thấp hơn miền Nam là do tác động của vị trí địa lí và hoạt động của gió mùa đông.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

Lượng mưa các tháng tại trạm quan trắc Láng (Hà Nội) và Huế trong năm 2024

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,8	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
Huế	91,3	11,3	38,6	6,6	237,1	91,1	179,8	93,5	527,5	960,5	787,6	644,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết trong năm 2024, tổng lượng mưa của Huế cao hơn Hà Nội là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Lực lượng lao động và tỉ lệ lao động đã qua đào tạo nước ta năm 2021 và 2024

Năm	2021	2024
Lực lượng lao động (triệu người)	50,6	51,9
Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo (%)	26,1	28,4

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022 và 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số lao động đã qua đào tạo nước ta năm 2024 tăng lên bao nhiêu triệu người so với năm 2021 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa nước ta năm 2020 và 2024

Năm	2020	2024
Diện tích (nghìn ha)	7 278,9	7 127,1
Sản lượng (nghìn tấn)	42 764,8	43 451,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lúa nước ta năm 2024 cao hơn năm 2020 bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Năm 2024, nước ta có tổng số dân là 101,3 triệu người, trong đó dân số thành thị là 39,0 triệu người. Hãy cho biết tỉ lệ dân số nông thôn nước ta năm 2024 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2024, tổng giá trị GDP của nước ta là 11,5 triệu tỉ đồng và tổng số dân là 101 343,8 nghìn người. Hãy cho biết GDP bình quân đầu người của nước ta năm 2024 là bao nhiêu triệu đồng/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng vùng Bắc Trung Bộ năm 2020 và năm 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2020	2024
Thủy sản khai thác	495,4	556,8
Thủy sản nuôi trồng	174,1	212,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng sản lượng thủy sản vùng Bắc Trung Bộ năm 2024 nhiều hơn năm 2020 bao nhiêu nghìn tấn (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

Phần I

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	A	C	B	A	B	B	A	B	B	A	D	C	B	D	D	D	B	B

Phần II

Câu	a	b	c	d
1	Đ	S	Đ	Đ
2	Đ	S	Đ	S
3	S	Đ	Đ	S
4	S	S	Đ	Đ

Phần III

Câu	Đáp án
1	2001 mm
2	1,5 triệu người
3	2,2 tạ/ha
4	61,5%

Câu	Đáp án
5	113 triệu đồng/người
6	99,3 nghìn tấn

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chọn A. đồng bằng.

Mạng lưới đô thị nước ta phân bố tập trung nhiều ở đồng bằng, ven biển, nơi dân cư đông, kinh tế phát triển, giao thông thuận lợi. Miền núi, hải đảo, núi cao có mật độ đô thị thưa hơn.

Câu 2. Chọn C. nhiều tài nguyên du lịch, mức sống dân cư tăng, cơ sở hạ tầng tốt.

Đồng bằng sông Hồng có nhiều tài nguyên du lịch, nhất là di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề, đô thị cổ; đồng thời dân cư đông, mức sống tăng, cơ sở hạ tầng và giao thông phát triển nên rất thuận lợi phát triển du lịch.

Câu 3. Chọn B. tăng cường bảo vệ vốn rừng, tích cực trồng rừng mới.

Diện tích rừng Bắc Trung Bộ tăng chủ yếu do công tác bảo vệ rừng tốt hơn, khoanh nuôi phục hồi rừng và đẩy mạnh trồng rừng mới.

Câu 4. Chọn A. Phần lớn là đất ba dan và đất xám phù sa cổ.

Đồng Nam Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng, đất đỏ ba dan và đất xám trên phù sa cổ chiếm diện tích lớn. Đây là điều kiện thuận lợi phát triển cây công nghiệp lâu năm.

Câu 5. Chọn B. Nằm trong khu vực ảnh hưởng của gió mùa.

Gió mùa không phải là lợi thế trực tiếp để phát triển giao thông đường biển, thậm chí còn gây khó khăn do bão, gió mạnh, biển động. Các yếu tố như bờ biển dài, nhiều vũng vịnh sâu, gần tuyến hàng hải quốc tế mới là lợi thế.

Câu 6. Chọn B. Mật độ dân số Thành phố Hồ Chí Minh là 4 555 người/km².

Mật độ dân số = Dân số : Diện tích.

Thành phố Hồ Chí Minh:

$$9543,6 \times 1000 : 2095,4 \approx 4555$$

người/km².

Vậy nhận xét B đúng.

Câu 7. Chọn A. biến đổi khí hậu, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Diện tích gieo trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm do tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán; đồng thời nhiều nơi chuyển đất lúa sang cây trồng khác, nuôi trồng thủy sản hoặc mục đích phi nông nghiệp.

Câu 8. Chọn B. nguồn thức ăn khá dồi dào từ các đồng cỏ.

Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều đồng cỏ, khí hậu thích hợp, là thế mạnh quan trọng để phát triển chăn nuôi trâu, bò.

Câu 9. Chọn B. đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

Đây là điều kiện tự nhiên thuận lợi để xây dựng cảng biển, phát triển giao thông vận tải biển.

Câu 10. Chọn A. nhiệt độ giảm, độ ẩm tăng, quá trình feralit suy yếu.

Lên cao, nhiệt độ giảm, độ ẩm tăng làm quá trình feralit yếu đi, mùn được tích lũy nhiều hơn nên hình thành đất feralit có mùn.

Câu 11.

Chọn D.

Giải thích:

Cụm từ quan trọng là “**trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ**”. Lâm nghiệp có mặt ở nhiều vùng vì nước ta có **3/4 diện tích là đồi núi**, đồng thời còn có **rừng ngập mặn ven biển**. Do đó lâm nghiệp phân bố rộng, gắn với nhiều vùng lãnh thổ.

Câu 12. Chọn C. đa số lao động đã được qua đào tạo.

Đây không phải là lợi thế của lao động nước ta vì tỉ lệ lao động qua đào tạo còn chưa cao. Lợi thế của lao động nước ta là đông, cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất.

Câu 13. Chọn B. Độ ẩm tương đối cao.

Tính chất ẩm của khí hậu nước ta thể hiện ở lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao, cân bằng ẩm dương.

Câu 14. Chọn D. Xuất hiện các khu công nghiệp quy mô lớn.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ thể hiện ở việc hình thành các vùng chuyên canh, khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng kinh tế trọng điểm. Trong các phương án, D là đúng nhất.

Câu 15. Chọn D. gió giật, biển động.

Bão thường kèm theo gió mạnh, gió giật, mưa lớn, sóng to và biển động.

Câu 16. Chọn D. Nắng nhiều, nước biển có độ mặn cao, ít cửa sông lớn.

Nam Trung Bộ có khí hậu khô nóng, nắng nhiều, ít mưa, ít cửa sông lớn nên nước biển có độ mặn cao, rất thuận lợi cho nghề làm muối.

Câu 17. Chọn B. Ven các thành phố lớn.

Chăn nuôi bò sữa cần gần thị trường tiêu thụ sữa tươi, gần cơ sở chế biến và điều kiện chăm sóc tốt nên phát triển mạnh ở ven các thành phố lớn.

Câu 18. Chọn B. Thuận lợi đảm bảo an ninh khu vực biên giới trên biển và đất liền.

Đây là nhận xét không đúng. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ rộng, có đường biên giới đất liền và vùng biển rộng tạo nhiều thuận lợi phát triển, nhưng cũng đặt ra khó khăn, thách thức trong bảo vệ an ninh quốc phòng.

PHẦN II. ĐÚNG / SAI

Câu 1

a) Đúng.

Vịnh Vân Phong là vịnh nước sâu, kín gió, có vị trí thuận lợi để xây dựng cảng trung chuyển quốc tế.

b) Sai.

Các cảng biển Nam Trung Bộ có vai trò quan trọng trong vận chuyển hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế, nhưng nói vai trò to lớn đối với Cam-pu-chia là “giải quyết việc làm cho lao động” là không phù hợp.

c) Đúng.

Nam Trung Bộ có nhiều vũng vịnh nước sâu, kín gió, bờ biển khúc khuỷu, thuận lợi hơn trong xây dựng cảng biển và phát triển vận tải biển.

d) Đúng.

Phát triển cảng biển và hạ tầng giao thông giúp thu hút đầu tư, mở rộng giao thương, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Đáp án câu 1: Đ – S – Đ – Đ.

Câu 2

a) Đúng.

Trung tâm R&D có vai trò quan trọng trong nghiên cứu, sáng tạo công nghệ mới, tạo giá trị gia tăng cao.

b) Sai.

Thông tin cho biết SHTP đang từ chối các dự án sử dụng nhiều lao động phổ thông, công nghệ lạc hậu.

c) Đúng.

SHTP tập trung thu hút đầu tư vào vi mạch bán dẫn, công nghệ sinh học và các trung tâm R&D.

d) Sai.

Mục tiêu của “đô thị khoa học” không phải là phân bố đều cơ sở công nghiệp ra nông thôn, mà là phát triển không gian khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Đáp án câu 2: Đ – S – Đ – S.

Câu 3

Ta tính GDP bình quân đầu người gần đúng:

$$515 : 71,1 \approx 7,2$$

- Thái Lan: nghìn USD/người.
 $433 : 100,3 \approx 4,3$
- Việt Nam: nghìn USD/người.
 $1371 : 277,5 \approx 4,9$
- In-đô-nê-xi-a: nghìn USD/người.
 $400 : 24,4 \approx 16,4$
- Ma-lai-xi-a: nghìn USD/người.

a) Sai.

In-đô-nê-xi-a đứng đầu về dân số và GDP, nhưng không đứng đầu về GDP bình quân đầu người. Ma-lai-xi-a mới cao nhất.

b) Đúng.

GDP Việt Nam là 433 tỉ USD, cao hơn Ma-lai-xi-a 400 tỉ USD nhưng thấp hơn Thái Lan 515 tỉ USD.

c) Đúng.

Dân số cao nhất là In-đô-nê-xi-a 277,5 triệu người; thấp nhất là Ma-lai-xi-a 24,4 triệu người.

d) Sai.

GDP bình quân đầu người cao nhất là Ma-lai-xi-a, không phải Thái Lan. Việt Nam là thấp nhất trong 4 nước.

Đáp án câu 3: S – Đ – Đ – S.

Câu 4**a) Sai.**

Thông tin nêu đặc điểm của **đai nhiệt đới gió mùa**, không phải đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.

b) Sai.

Mùa hạ nóng chủ yếu do vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, nhận lượng bức xạ lớn; nói do hoạt động của gió Tín phong là chưa chính xác.

c) **Đúng.**

Ở đai nhiệt đới gió mùa, đất feralit chiếm diện tích lớn, phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi thấp.

d) **Đúng.**

Độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn miền Nam do miền Bắc nằm ở vĩ độ cao hơn và chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc làm nền nhiệt thấp hơn.

Đáp án câu 4: S – S – Đ – Đ.

PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1

Tổng lượng mưa Hà Nội:

$$18,6 + 26,2 + 43,8 + 90,1 + 188,5 + 230,9 + 288,8 + 318,0 + 265,4 + 130,7 + 43,4 + 23,4 = 1667,8$$

mm.

Tổng lượng mưa Huế:

$$91,3 + 11,3 + 38,6 + 6,6 + 237,1 + 91,1 + 179,8 + 93,5 + 527,5 + 960,5 + 787,6 + 644,0 = 3668,9$$

mm.

Huế cao hơn Hà Nội:

$$3668,9 - 1667,8 = 2001,1$$

mm.

Làm tròn đến hàng đơn vị:

Đáp án: 2001 mm.

Câu 2

Số lao động đã qua đào tạo năm 2021:

$$50,6 \times 26,1 : 100 = 13,2066$$

triệu người.

Số lao động đã qua đào tạo năm 2024:

$$51,9 \times 28,4 : 100 = 14,7396$$

triệu người.

Số lao động đã qua đào tạo tăng:

$$14,7396 - 13,2066 = 1,533$$

triệu người.

Làm tròn một chữ số thập phân:

Đáp án: 1,5 triệu người.

Câu 3

Công thức:

Năng suất lúa = Sản lượng : Diện tích.

Vì sản lượng là nghìn tấn, diện tích là nghìn ha nên kết quả là tấn/ha. Đổi sang tạ/ha thì nhân với 10.

Năng suất năm 2020:

$$42764,8 : 7278,9 \approx 5,875$$

tấn/ha

$$= 58,75$$

tạ/ha.

Năng suất năm 2024:

$$43451,6 : 7127,1 \approx 6,097$$

tấn/ha

$$= 60,97$$

tạ/ha.

Năng suất năm 2024 cao hơn năm 2020:

$$60,97 - 58,75 = 2,22$$

tạ/ha.

Làm tròn một chữ số thập phân:

Đáp án: 2,2 tạ/ha.

Câu 4

Dân số nông thôn năm 2024:

$$101,3 - 39,0 = 62,3$$

triệu người.

Tỉ lệ dân số nông thôn:

$$62,3 : 101,3 \times 100 \approx 61,5\%$$

Đáp án: 61,5%.

Câu 5

GDP bình quân đầu người:

$$11500000 : 101343,8 \approx 113,5$$

triệu đồng/người.

Làm tròn đến hàng đơn vị:

Đáp án: 113 triệu đồng/người.

Lưu ý: 11,5 triệu tỉ đồng chia cho 101 343,8 nghìn người thì đơn vị kết quả là triệu đồng/người.

Câu 6

Tổng sản lượng thủy sản năm 2020:

$$495,4 + 174,1 = 669,5$$

nghìn tấn.

Tổng sản lượng thủy sản năm 2024:

$$556,8 + 212,0 = 768,8$$

nghìn tấn.

Năm 2024 nhiều hơn năm 2020:

$$768,8 - 669,5 = 99,3$$

nghìn tấn.

Đáp án: 99,3 nghìn tấn.